

Số: 801/ĐHNT - SDH

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2020

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin chung về cơ sở đào tạo

1.1. Tên trường: Trường Đại học Nha Trang.

Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.ntu.edu.vn

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ:

TT	Ngành	Khóa							Tổng
		2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	
1.	Nuôi trồng thủy sản	2	3	2	1	2		1	11
2.	Khai thác thủy sản	1	3	1	2			1	8
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	2	2		1				5
4.	Kỹ thuật tàu thủy								0
5.	CN chế biến thủy sản		4	2			1		7
6.	CN Sau thu hoạch			2	1				3
7.	CN thực phẩm								0
8.	Quản trị kinh doanh								0
	TỔNG	5	12	7	5	2	1	2	34

(Số liệu tuyển sinh NCS và nhập học từ năm 2013 đến năm 2019)

1.3. Những thông tin cần thiết khác

- Trường bắt đầu đào tạo Tiến sĩ từ năm 1987 (ngành Nuôi trồng thủy sản)
- Đến nay Trường đã đào tạo và cấp bằng tiến sĩ cho 95 Nghiên cứu sinh.

2. Nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ.
2. Là tác giả 1 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 36 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng,

chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh;

b. Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 2 năm (24 tháng) tính đến ngày dự tuyển.

2.2. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành:

STT	Ngành	Số lượng (người)
1.	Nuôi trồng thủy sản	5
2.	Khai thác thủy sản	5
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực	5
4.	Kỹ thuật tàu thủy	5
5.	Công nghệ chế biến thủy sản	6
6.	Công nghệ Sau thu hoạch	4
7.	Công nghệ thực phẩm	6
8.	Quản trị kinh doanh	10

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo: các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu.

Số TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu cần nhận nghiên cứu sinh	Họ tên, học vị, chức danh KH người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể nhận
I.	Nuôi trồng thủy sản		
1.	Đánh giá chất lượng trứng, tinh trùng và ấu trùng của một số đối tượng cá biển thông qua việc cải thiện dinh dưỡng cá bố mẹ trong điều kiện mô phỏng biến đổi khí hậu.	PGS.TS. Lê Minh Hoàng TS. Đinh Văn Khương TS. Ngô Văn Mạnh	1
2.	Nghiên cứu ảnh hưởng kết hợp của nhiệt độ với các yếu tố sinh thái hoặc cải thiện dinh dưỡng lên miễn dịch trên một số đối tượng cá biển ở giai đoạn ấu trùng và con giống	PGS.TS. Lê Minh Hoàng TS. Đinh Văn Khương TS. Trần Vĩ Hích	1

3.	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế.	TS. Đỗ Hữu Hoàng (Viện Hải dương học) PGS.TS Phạm Quốc Hùng	1
4.	Nghiên cứu đánh giá hiệu quả sử dụng chế phẩm sinh học lên các đối tượng thủy sản	TS. Đỗ Hữu Hoàng (Viện Hải dương học) PGS.TS Phạm Quốc Hùng	1
5.	Nghiên cứu sự biến động hàm lượng hormone steroid trong chu kỳ sinh sản cá bẹ đưng (<i>Gnathanodon speciosus</i>)	PGS.TS Phạm Quốc Hùng	1
II. Khai thác thủy sản			
1.	Nghiên cứu cải tiến công nghệ các nghề khai thác thủy sản	TS. Trần Đức Phú TS. Lê Xuân Tài	1
2.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ các nghề khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản của nước ngoài vào Việt Nam.	TS. Lê Xuân Tài TS. Nguyễn Lâm Anh	1
3.	Quy hoạch nghề khai thác cá biển phục vụ quản lý nghề cá	TS. Lê Xuân Tài TS. Nguyễn Lâm Anh	1
4.	Nâng cao hiệu quả sản xuất và bảo vệ nguồn lợi thủy sản	TS. Trần Đức Phú	1
III. Kỹ thuật cơ khí động lực			
1.	Vật liệu mới (công nghệ chế tạo, phương pháp tính,...)	TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Trần Doãn Hùng TS. Quách Hoài Nam	1 1 1
2.	Động cơ đốt trong (nâng cao tính năng, ma sát, hao mòn, sử dụng nhiên liệu thay thế,...)	TS. Phùng Minh Lộc TS. Nguyễn Thanh Tuấn	1 1
3.	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do khí thải động cơ ô tô, tàu thủy.	TS. Nguyễn Thanh Tuấn TS. Phùng Minh Lộc	1 1
4.	Độ bền và rung động tàu thủy, ô tô	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Nguyễn Văn Đạt	1 1
5.	Đảm bảo an toàn và tăng tuổi thọ của các lồng nuôi thủy sản trên biển bằng vật liệu mới	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Nguyễn Văn Đạt	1 1

IV.	Kỹ thuật tàu thủy		
1.	Kỹ thuật tàu thủy (nâng cao tính năng, tối ưu hóa thiết kế, phương pháp số,...)	PGS.TS Trần Gia Thái TS Nguyễn Văn Đạt	1 1
2.	Vật liệu mới (công nghệ chế tạo, phương pháp tính, ...)	TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Trần Doãn Hùng TS. Quách Hoài Nam TS. Trần Hưng Trà	1 1 1 1
3.	Đảm bảo an toàn cho tàu đi biển, đánh giá độ bền, hư hỏng và phá hủy kết cấu công trình thủy	PGS.TS Trần Gia Thái TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Phạm Thanh Nhựt	1 1 1 1
4.	Phân tích, đánh giá độ tin cậy trong ngành Kỹ thuật tàu thủy	PGS.TS Trần Gia Thái TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Huỳnh Văn Vũ	1 1 1
5.	Mô phỏng số trong ngành Kỹ thuật tàu thủy	PGS.TS Trần Gia Thái TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Huỳnh Văn Vũ	1 1 1
6.	Độ bền và rung động tàu thủy	PGS.TS Trần Gia Thái TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Nguyễn Văn Đạt	1 1 1
V.	Công nghệ chế biến thủy sản		
1.	Nghiên cứu các polysaccharide/peptide có hoạt tính sinh học từ động vật và thực vật biển.	PGS. TS. Ngô Đăng Nghĩa	1
2.	Nghiên cứu kỹ thuật cố định tế bào thực vật và vi khuẩn để sản xuất các chế phẩm có hoạt tính	PGS. TS. Ngô Đăng Nghĩa	1
3.	Nghiên cứu kỹ thuật CNSH ứng dụng vào việc nuôi sinh khối vi tảo để sản xuất các chế phẩm có hoạt tính sinh học và chất béo làm nhiên liệu sinh học	PGS. TS. Ngô Đăng Nghĩa	1
4.	Nghiên cứu thu nhận chế phẩm protein giàu carotenoid protein từ đầu tôm và ứng dụng vào thức ăn thủy sản	PGS. TS. Trang Sĩ Trung	1

5.	Nghiên cứu thu nhận các sản phẩm có hoạt chất sinh học từ rong biển	PGS. TS. Trang Sĩ Trung	1-2
6.	Nghiên cứu phát triển sản phẩm giá trị gia tăng từ phế phụ phẩm chế biến thực phẩm và thủy sản	PGS. TS. Huỳnh Nguyễn Duy Bảo	1
7.	Nghiên cứu thu nhận và ứng dụng hoạt chất sinh học từ phế phụ phẩm chế biến thực phẩm và thủy sản	PGS. TS. Huỳnh Nguyễn Duy Bảo	1
8.	Nghiên cứu các hoạt chất sinh học thần kinh từ động vật và thực vật biển.	TS. Nguyễn Bảo	1-2
9.	Nghiên cứu các chất hỗ trợ giải độc do ngộ độc các độc tố thần kinh trong thực phẩm, thủy sản gây ra.	TS. Nguyễn Bảo	1
10.	Nghiên cứu sự biến động của histamine trong nước mắm truyền thống theo thời gian từ chế biến đến quản bảo.	TS. Nguyễn Bảo	1
11.	Nghiên cứu sự biến động của thành phần peptide mạch ngắn của nước mắm truyền thống theo thời gian từ chế biến đến quản bảo.	TS. Nguyễn Bảo	1
VI.	Công nghệ sau thu hoạch		
1.	Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến tồn thất sau thu hoạch trong ngành chế biến thực phẩm – thủy sản	PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn	1
2.	Nghiên cứu thu nhận và ứng dụng chất có hoạt tính sinh học nguồn gốc tự nhiên nhằm nâng cao hiệu quả chế biến và bảo quản thực phẩm - thủy sản	PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn	1
3.	Nghiên cứu sản xuất chitosan hòa tan trong nước từ xương mực và ứng dụng trong bảo quản rau quả sau thu hoạch	PGS. TS. Trang Sĩ Trung	1
4.	Nghiên cứu quy trình công nghệ sơ chế và bảo quản cá ngừ đại dương bằng đá lỏng trên tàu đánh bắt	TS. Mai Thị Tuyết Nga	1
5.	Nghiên cứu xây dựng mô hình biến đổi của lượng vi sinh vật hiếu khí và gây hỏng đặc trưng trên một số loài thủy sản kinh tế của Việt Nam và ứng dụng để quản lý chất lượng thủy sản trong chuỗi cung ứng lạnh/đông lạnh	TS. Mai Thị Tuyết Nga	1

6.	Nghiên cứu đặc tính chức năng của sản phẩm thủy phân protein từ phụ phẩm thủy sản và ứng dụng sản phẩm thủy phân trong lĩnh vực thực phẩm	TS. Nguyễn Thị Mỹ Hương	1
VII. Công nghệ thực phẩm			
1.	Nghiên cứu thu nhận và đánh giá đặc tính cấu trúc của một số chất sinh học: inulin, bioflavonoid, ... từ một số cây dược liệu mọc tự nhiên quý hiếm tại Lạc Dương - Lâm Đồng định hướng làm thực phẩm chức năng.	PGS. TS. Vũ Ngọc Bội	1
2.	Nghiên cứu sản xuất nanochitosan từ vỏ cua, ghe bằng công nghệ bức xạ coban 60 và ứng dụng trong bảo quản một số loại trái cây đặc sản của Đà Lạt	PGS. TS. Vũ Ngọc Bội	1
3.	Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm thực phẩm chức năng từ gan, da và sụn cá mập	PGS. TS. Vũ Ngọc Bội	1
4.	Nghiên cứu thu nhận chất màu tự nhiên và định hướng ứng dụng trong thực phẩm	PGS. TS. Vũ Ngọc Bội	1
5.	Nghiên cứu sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng (surimi và sản phẩm thực phẩm mô phỏng) từ nguyên liệu thực phẩm, thủy sản	TS Thái Văn Đức	1
6.	Đánh giá hoạt tính sinh học của các hợp chất tự nhiên như chống oxy-hóa, kháng vi sinh vật, chống ung thư	TS. Nguyễn Văn Tặng	1
7.	Tận dụng phụ phẩm trong nông nghiệp và chế biến thực phẩm để sản xuất sản phẩm giá trị gia tăng và phát triển thực phẩm chức năng.	TS. Nguyễn Văn Tặng	1
8.	Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sơ chế, bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm và dược liệu.	TS. Nguyễn Văn Tặng	1
9.	Chiết tách các hợp chất tự nhiên có hoạt tính sinh học như phenolics, saponins, alkaloids, coumarins, ...	TS. Nguyễn Văn Tặng	1
VIII. Quản trị kinh doanh			
1.	Quản trị chiến lược và kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Lê Kim Long TS. Lê Chí Công	3

2.	Cạnh tranh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Văn Ngọc	3
3.	BCS/KPI	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Nguyễn Văn Ngọc	2
4.	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức	PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Hà Việt Hùng	2
5.	Quản trị thương hiệu	PGS.TS. Hồ Huy Tựu TS. Trần Thị Ái Cẩm	2
6.	Quản trị dịch vụ	PGS.TS. Lê Chí Công	1
7.	Quản trị kinh doanh quốc tế	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Nguyễn Ngọc Duy	1
8.	Thương mại điện tử	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh	1
9.	Quản trị các hoạt động chuyên môn trong tổ chức (Quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị tài chính, R&D, ...)	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Nguyễn Tiến Thông TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Nguyễn Thành Cường	3
10.	Phát triển bền vững doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh	2
11.	Phát triển văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp	PGS.TS. Đỗ Thị Thanh Vinh TS. Hà Việt Hùng	2
12.	Hình thành và phát triển mạng lưới doanh nghiệp bền vững	PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy TS. Phạm Thành Thái	2

13.	Logistic. quản trị chuỗi cung ứng và các tác nhân trong chuỗi cung ứng	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Phạm Thị Thanh Thủy TS. Võ Văn Diễm	2
14.	Rủi ro và quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh	TS. Nguyễn Thị Trâm Anh TS. Võ Văn Cần TS. Nguyễn Ngọc Duy	3
15.	Ra quyết định quản trị trong hoạt động kinh doanh	TS. Nguyễn Văn Ngọc	1
16.	Nghiên cứu về động cơ/ thái độ/ ý định/ hành vi người tiêu dùng	PGS.TS. Hồ Huy Tựu TS. Nguyễn Tiến Thông	2
17.	Đầu tư mạo hiểm trong kinh doanh	TS. Nguyễn Thành Cường TS. Nguyễn Thị Hiền	2
18.	Nghiên cứu thị trường trong hệ thống kinh doanh	PGS.TS. Hồ Huy Tựu	1
20.	Nghiên cứu hiệu quả và năng suất trong sản xuất kinh doanh	PGS.TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Ngọc Duy	2

2.5. Tổ chức tuyển sinh: thời gian và số lần tuyển sinh/năm

- Số lần tuyển sinh trong năm: 02.

- Thời gian: Tháng 4; Tháng 12;

2.6. Chính sách ưu tiên: ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính:

- Học phí: Khối thủy sản: 22.000.000đ/năm (thu 4 năm)

Khối Kinh tế, Kỹ thuật, Công nghệ: 26.000.000đ/năm (thu 4 năm).

- Chính sách hỗ trợ tài chính: theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Về phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ dạy - học:

TT.	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị phục vụ dạy – học		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học, giảng đường	85	25.944	- Projector - Âm thanh (bộ)	85 85	Tất cả các học phần lý thuyết

2	Phòng học đa phương tiện	01	120	- Máy tính - Projector - Âm thanh (bộ) - Camera	40 01 01 02	Tất cả các học phần lý thuyết
3	Phòng học ngoại ngữ	01	220	Máy tính có trang bị âm thanh chuẩn	40	Phục vụ các học phần ngoại ngữ
4	Phòng máy tính	10	1.212	Máy tính cá nhân	1.300	Tất cả các học phần có thực hành mô phỏng hoặc thao tác trực tiếp trên máy tính
5	Phòng mô phỏng	02	200	Hệ thống mô phỏng lái tàu, hệ thống mô phỏng đánh cá	1	Các học phần về điều động tàu, khai thác, quản lý tàu thuyền
6	Phòng thực hành, Phòng Bảo tàng ngư cụ	03	300	Các loại máy móc hàng hải, cơ khí, máy tàu thủy, các loại ngư cụ, dụng cụ chế tạo ngư cụ...	1	Các học phần có thực hành
7	Phòng thực hành chứng khoán ảo	01	60	- Projector - Máy tính cá nhân	1 40	Thực hành mô phỏng thị trường chứng khoán và các học phần kinh tế
8	Trung tâm thực hành nghiệp vụ du lịch	01		- Nhà hàng phục vụ điểm tâm, café.		Thực hành các nghiệp vụ lễ tân, pha chế

b) Về thư viện:

- Tổng diện tích thư viện: 10.000 m², trong đó diện tích phòng đọc: 4.000 m².
- Số chỗ ngồi: 1.000.
- Phần mềm quản lý thư viện: 2 (VLAS: Quản lý tài liệu văn bản, KIPOS: quản lý Ebooks - Thư viện số).
- Thư viện số: Có.
- Thư viện kết nối với hệ thống thư viện các trường đại học phía Nam (VILASAL).
- Việc tra cứu thư viện thông qua Internet.
- Tài liệu số: 48.767 (Bài tạp chí, báo, tạp chí, ảnh, đa phương tiện, sách, giáo trình, bài giảng, khoá luận, luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu khoa học)
- Tài liệu Văn bản: 21.697 (Bài tạp chí, báo, tạp chí, ảnh, đa phương tiện, sách, giáo trình, bài giảng, khoá luận, luận văn, luận án, kết quả nghiên cứu khoa học).

- Cơ sở dữ liệu: Wilson, ABSCO, Applied Acience & Technology, Abstracts, Aquatic Sciences and Fisheries Abstracts, Food Science and Technology Abstracts.

c) Phòng thí nghiệm/ cơ sở nghiên cứu:

TT	Tên phòng thí nghiệm	Năm đưa vào vận hành	Tổng giá trị đầu tư	Phục vụ các ngành
1	PTN Hóa sinh và phân tích kiểm nghiệm	2007 và 2009	600.309.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm - Nuôi trồng thủy sản
2	PTN Công nghệ cao	2007 và 2010	10.812.122.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm - Nuôi trồng thủy sản
3	PTN Công nghệ chế biến	2004	956.127.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch
4	PTN Công nghệ thực phẩm	2005 và 2008	4.079.713.000	- Công nghệ thực phẩm - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ chế biến thủy sản
5	PTN Công nghệ sinh học	2007 và 2009	8.072.696.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm - Nuôi trồng thủy sản
6	PTN Chế phẩm sinh học	2013 và 2014	6.326.500.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Nuôi trồng thủy sản
7	PTN Dinh dưỡng và thức ăn	2007	15.120.000	- Nuôi trồng thủy sản
8	PTN Sinh lý – sinh thái	2007	810.670.000	- Nuôi trồng thủy sản
9	PTN Bệnh học thủy sản	2007	1.678.885.400	- Nuôi trồng thủy sản
10	Trung tâm nghiên cứu giống và dịch bệnh	2006	501.363.500	- Nuôi trồng thủy sản

	thủy sản			
11	Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản	2009	3.299.182.398	- Nuôi trồng thủy sản
12	PTN Kỹ thuật lạnh	2004	1.401.196.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm
13	PTN Kỹ thuật môi trường	2007, 2008, 2009	35.000.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm - Nuôi trồng thủy sản
14	PTN Môi trường	2007	598.660.900	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm - Nuôi trồng thủy sản
15	PTN Hóa	2010	1.866.113.000	- Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ sau thu hoạch - Công nghệ thực phẩm - Nuôi trồng thủy sản
16	Viện nghiên cứu và chế tạo tàu thủy	2007 và 2008	8.233.158.750	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy
17	Xưởng thực hành động lực	2007 và 2010	1.545.291.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy
18	Hệ thống mô phỏng lái tàu và đánh bắt thủy sản	2013	17.160.735.000	- Khai thác thủy sản
19	PTN Trang bị điện	2005	100.185.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Khai thác thủy sản
20	PTN Cơ học	2005	309.629.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Khai thác thủy sản
21	PTN trang bị điện động lực	2004	152.186.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Khai thác thủy sản
22	PTN Vật liệu	2005	2.173.933.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy

23	PTN Kỹ thuật điện tử	2016	119.344.300	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Khai thác thủy sản
24	PTN Số - Vi xử lý	2009	823.213.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Khai thác thủy sản
25	PTN Đo lường và mạch điện	2005	305.803.600	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Khai thác thủy sản
26	PTN Kỹ thuật đo	2005	236.829.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy
27	PTN Cơ điện tử	2009	1.412.925.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy
28	Xưởng cơ khí	2004-2010	5.170.547.000	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy
29	Phòng máy CNC	2005	317.883.759	- Kỹ thuật cơ khí động lực - Kỹ thuật tàu thủy

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh theo các ngành hoặc chuyên ngành

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Chức danh khoa học (GS, PGS)	Trình độ	Tham gia chủ trì ngành đào tạo
1	Nguyễn Trọng Bách	17/7/1977		Tiến sĩ	CN chế biến thủy sản
2	Nguyễn Bảo	14/5/1984		Tiến sĩ	CN chế biến thủy sản
3	Nguyễn Văn Minh	28/4/1977	PGS	Tiến sĩ	CN chế biến thủy sản
4	Ngô Đăng Nghĩa	12/01/1960	PGS	Tiến sĩ	CN chế biến thủy sản
5	Trang Sĩ Trung	22/7/1971	PGS	Tiến sĩ	CN chế biến thủy sản
6	Nguyễn Anh Tuấn	12/10/1959	PGS	Tiến sĩ	CN chế biến thủy sản
7	Huỳnh Nguyễn Duy Bảo	04/12/1972	PGS	Tiến sĩ	CN Sau thu hoạch
8	Nguyễn Thế Hân	05/9/1983		Tiến sĩ	CN Sau thu hoạch
9	Trần Thị Mỹ Hạnh	10/2/1978		Tiến sĩ	CN Sau thu hoạch
10	Nguyễn Thị Mỹ Hương	02/3/1970		Tiến sĩ	CN Sau thu hoạch
11	Lưu Hồng Phúc	28/3/1977		Tiến sĩ	CN Sau thu hoạch
12	Phan Thị Khánh Vinh	11/5/1982		Tiến sĩ	CN Sau thu hoạch
13	Vũ Ngọc Bội	13/4/1966	PGS	Tiến sĩ	CN Thực phẩm

14	Thái Văn Đức	19/7/1974		Tiến sĩ	CN Thực phẩm
15	Nguyễn Thuần Anh	30/6/1969	PGS	Tiến sĩ	CN Thực phẩm
16	Nguyễn Văn Tăng	09/9/1979		Tiến sĩ	CN Thực phẩm
17	Mai Thị Tuyết Nga	23/12/1971		Tiến sĩ	CN Thực phẩm
18	Lê Thị Tường	02/05/1980		Tiến sĩ	CN Thực phẩm
19	Nguyễn Thị Vân	18/03/1981		Tiến sĩ	CN Thực phẩm
20	Trần Doãn Hùng	18/12/1976		Tiến sĩ	KT Cơ khí động lực
21	Vũ Thăng Long	11/12/1977		Tiến sĩ	KT Cơ khí động lực
22	Phùng Minh Lộc	01/02/1961		Tiến sĩ	KT Cơ khí động lực
23	Quách Hoài Nam	02/12/1974		Tiến sĩ	KT Cơ khí động lực
24	Đặng Xuân Phương	08/01/1975	PGS	Tiến sĩ	KT Cơ khí động lực
25	Dương Tử Tiên	14/11/1971		Tiến sĩ	KT Cơ khí động lực
26	Nguyễn Thanh Tuấn	09/7/1981		Tiến sĩ	KT Cơ khí động lực
27	Nguyễn Văn Đạt	12/5/1961		Tiến sĩ	KT tàu thủy
28	Phạm Thanh Nhựt	26/11/1977		Tiến sĩ	KT tàu thủy
29	Trần Gia Thái	24/12/1966	PGS	Tiến sĩ	KT tàu thủy
30	Trần Hưng Trà	13/10/1976	PGS	Tiến sĩ	KT tàu thủy
31	Huỳnh Văn Vũ	24/8/1975		Tiến sĩ	KT tàu thủy
32	Phạm Đức Hùng	20/11/1979		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
33	Phạm Quốc Hùng	20/6/1974	PGS	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
34	Lê Minh Hoàng	08/11/1981	PGS	Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
35	Nguyễn Văn Minh	20/6/1976		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
36	Đinh Văn Khương	20/02/1981		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
37	Trần Thanh Tâm	10/10/1986		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
38	Lê Anh Tuấn	01/4/1966		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
39	Lương Công Trung	06/8/1966		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
40	Bành Thị Quyên Quyên	24/12/1983		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
41	Nguyễn Lâm Anh	22/11/1968		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
42	Lại Văn Hùng	13/3/1955	PGS	Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
44	Nguyễn Trọng Lương	10/5/1980		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
45	Vũ Kế Nghiệp	19/10/1976		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
46	Trần Đức Phú	20/2/1964		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
47	Tô Văn Phương	09/7/1985		Tiến sĩ	Khai thác thủy sản
48	Nguyễn Tiến Thông	21/4/1974		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

49	Hà Việt Hùng	03/5/1972		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
50	Võ Văn Cần	22/12/1974		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
51	Hồ Huy Tựu	12/8/1971	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
52	Nguyễn Thị Kim Anh	21/3/1962	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
53	Nguyễn Thị Trâm Anh	02/01/1969		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
54	Lê Kim Long	16/10/1974	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
55	Nguyễn Văn Ngọc	17/12/1970		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
56	Lê Chí Công	18/12/1980	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
57	Nguyễn Ngọc Duy	12/9/1979		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
58	Phạm Hồng Mạnh	20/10/1975		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
59	Quách Thị Khánh Ngọc	05/12/1977	PGS	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
60	Phạm Thành Thái	04/9/1977		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
61	Phạm Thị Thanh Thủy	04/7/1981		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
62	Nguyễn Thành Cường	29/12/1971		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
63	Nguyễn Thị Hiền	14/01/1970		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
64	Phan Thị Xuân Hương	21/6/1976		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
65	Trần Thị Ái Cẩm	19/9/1983		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
66	Võ Văn Diễn	20/7/1982		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

TT	Tên dự án	Mục đích	Nhà tài trợ	Thời gian	Chi phí (USD)
1.	Pro 69/96 (NUFU pha 1)	Năng lực nuôi trồng thủy sản được nâng cao	NUFU	1997 – 2000	320,000
2.	Nâng cao năng lực khoa Nuôi trồng thủy sản	Năng lực đào tạo và nghiên cứu của khoa được nâng cao	DANIDA (thông qua AIT)	1998 – 2001	230,000
3.	Nâng cao năng lực nghiên cứu về thức ăn trong nuôi thâm canh	Thu nhập ổn định cho cộng đồng thông qua phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản	CARD (Australia)	7/2000 – 6/2002	350,000

4.	Dự án NUFU pha 2 (nâng cao nuôi trồng thủy sản tại VN)	Thiết lập hợp tác nghiên cứu trong nuôi trồng thủy sản biển	NUFU	2002 – 2006	469,000
5.	Nâng cao và mở rộng thư viện	Năng lực dịch vụ của thư viện được nâng cao	World Bank	7/2001 – 12/2002	525,000
6.	Điều tra các lồng nuôi cá mú tại Việt Nam và khu vực Châu Á	Xác định các loài cá mú nuôi thương phẩm tại Việt Nam	DFID thông qua trường ĐH Stirling (UK)	1999-2000	15,000
7.	Đánh giá tác nhân ảnh hưởng đến môi trường và các nguồn lợi tại đầm Nai, Ninh Thuận	Tác nhân ảnh hưởng đến môi trường và các nguồn lợi được xác định và đánh giá	IDRC, Canada	2000-2001	15.000
8.	Hướng dẫn thực tế việc ước tính và phân bổ khả năng môi trường cho nuôi trồng thủy sản ở các nước đang phát triển vùng nhiệt đới (TROPECA)	Hướng dẫn thực tế việc ước tính và phân bổ khả năng môi trường cho nuôi trồng thủy sản của Việt Nam	DFID, UK	2002-2004	17.000
9.	Nuôi thâm canh cá biển trong mương nổi	Thực hiện nuôi thâm canh một số loài cá biển trong mương nổi, tăng hiệu quả kinh tế	Chương trình xây dựng năng lực cho nông nghiệp và phát triển nông thôn Úc (CARD)	2004-2007	297.000
10.	Hợp tác nghiên cứu và đào tạo để phát triển bền vững ngành nuôi trồng thủy sản và môi trường ven biển	Năng lực con người của khoa Nuôi trồng TS và Trường ĐHNT được củng cố để nâng cao chất lượng đào tạo bậc đại cho các thế hệ tương lai hướng tới sử dụng bền vững các nguồn lợi biển và khuyến khích mô hình nuôi trồng quy mô nhỏ tại VN	Hội đồng Anh	4/2003 - 3/2006	12.000

11.	Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang (pha 1)	Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH & MT được nâng cao. Năng lực quản lý đào tạo, và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của nhà trường được củng cố.	NORAD	2003 - 2006	2.170.000
12.	Nuôi tôm hùm gai bền vững ở vùng nhiệt đới Việt Nam và Australia	Phát triển bền vững nghề nuôi tôm hùm gai ở Việt Nam	Trung tâm nghiên cứu phát triển nông nghiệp quốc tế Úc (ACIAR)	2005-2008	854.979
13.	Chương trình hợp tác với AUF	Các chương trình đào tạo bằng tiếng Pháp về công nghệ chế biến được triển khai	Hiệp hội các trường ĐH Pháp (AUF)	2001 – nay	
14.	Chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế - Quản lý thủy sản và Nuôi trồng thủy sản	- Cung cấp cho học viên các kỹ năng quản lý kinh tế và hoạt động kinh doanh, phục vụ cho sự phát triển KT-XH - Nâng cao năng lực cho cán bộ giảng dạy của ĐHNT.	CP Na Uy thông qua Trường ĐH Tromsø, Na Uy	2007-2012	Kinh phí cấp theo từng năm
15.	Chương trình liên kết đào tạo 2 giai đoạn (bậc đại học) với Đại học Kỹ thuật tổng hợp Liberec - CH Séc	Liên kết đào tạo hệ đại học 2 giai đoạn ngành cơ khí	CP Séc thông qua Đại học Kỹ thuật tổng hợp Liberec	Từ 2007-2010	Kinh phí cấp theo từng năm
16.	Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang (pha 2)	- Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH & MT, Khoa Khai thác được nâng cao. - Năng lực quản lý	NORAD	2009-2011	13.200.000 NOK

		đào tạo và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của trường được củng cố.			
17.	Hợp tác với chương trình Fulbright Việt Nam (ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam)	Tập huấn nâng cao các kỹ năng cho các cán bộ và giáo viên của Trường	ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam	2011 - nay	
18.	Chương trình thực tập ngành nghề chuyên ngành đóng tàu với Trường Ulsan, Hàn quốc	Liên kết đào tạo hệ đại học với 1 năm thực tập tại Ulsan	Trường Ulsan, Hàn Quốc	2011 đến nay	
19.	Nghiên cứu một số đặc tính lý, hóa học và bảo quản tinh trùng cá mú cộp tại Việt Nam	Xác định một số đặc tính lý, hóa học và qui trình bảo quản tinh trùng cá mú cộp tại Việt Nam	Quỹ Quốc tế cho Khoa học (IFS – International Foundation for Science) của Thủy Điện	2012-2014	10,000
20.	Dự án VLIR	Nâng cao năng lực cho các trường đại học, viện nghiên cứu do Bỉ tài trợ.	Đại học Cần Thơ chủ trì, Đại học Nha Trang là thành viên	2012-2019	250.000 EURO/năm cho hoạt động của toàn Dự án
21.	Chương trình đào tạo đại học song ngữ Việt – Pháp chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị du lịch	Đào tạo hệ cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị du lịch. Sinh viên học bằng song ngữ Việt - Pháp	Tổ chức AUF và các Trường đại học đối tác Pháp (ĐH Nouvelle Caledonie, ĐH Nantes, ĐH Perpignan, ĐH Toulon).	Từ năm học 2013-2014 đến nay	
22.	Dự án “Di truyền học bảo tồn phục vụ cải thiện đa dạng sinh học và tăng cường quản lý tài nguyên đối với sự thay đổi tại đồng bằng sông Mê Kông”.	Đa dạng sinh học và nâng cao năng lực quản lý tài nguyên vùng đồng bằng sông Mê Kông	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Quỹ khoa học tự nhiên (NSF)	2013 – 2017	206.800
23.	Đánh giá nguy cơ nhiễm bệnh bằng	Khảo sát tình hình nhiễm ký sinh trùng	EU tài trợ	2013-2016	51.000

	công cụ tích hợp trong dây chuyền giá trị sản xuất thủy sản Châu Âu	(KST) gây hại cho người trên cá tra và ca ba sa tại Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL)			EURO
24.	Dự án “Ứng phó biến đổi khí hậu trong quản lý kinh tế, đa dạng sinh học và nuôi trồng thủy sản ở các nước Sri Lanka và Việt Nam”	Đào tạo Thạc sĩ quốc tế tại ĐHNT, đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ tại Na Uy.	Chương trình Phát triển năng lực đào tạo sau đại học và nghiên cứu (NORHED) của Na Uy	2014-2018	18.000.000 NOK
25.	Xây dựng mạng lưới nghiên cứu đa dạng nguồn gen sinh học vùng sông Mê Kông.	Bảo tồn đa dạng sinh học ở ĐBSCL	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Quỹ khoa học tự nhiên (NSF)	2014 – 2017	90.736
26.	Đánh giá tác động của du lịch sinh thái đến bảo tồn đa dạng sinh học và kinh tế cho cộng đồng địa phương tại khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang, Việt Nam.	Bảo tồn đa dạng sinh học và kinh tế cho cộng đồng địa phương	Trung tâm quản lý nguồn lợi thủy sinh vật (ICLARM), WORLD FISH, Philippines	2014-2016	28.000
27.	Tác động của khu bảo tồn biển và bảo tồn rạn san hô đến con người – Nghiên cứu về cộng đồng ngư dân và khu bảo tồn biển ở miền Trung Việt Nam	Đánh giá tác động của khu bảo tồn biển và bảo tồn rạn san hô đến cộng đồng ngư dân ở miền Trung Việt Nam	Trung tâm quản lý nguồn lợi thủy sinh vật (ICLARM), WORLD FISH, Philippines	2015-2016	27.000
28.	Nghiên cứu tạo nguyên liệu bao gói tự nhiên từ phế liệu thủy sản để tạo vi nang tiền tố vitamin A sử dụng trong thực phẩm và thức ăn bổ sung.	Nghiên cứu lựa chọn điều kiện thủy phân đầu cá ngừ nhằm thu dịch thủy phân thích hợp cho nuôi cấy sinh khối nấm men dùng để bao gói dầu gấc.	Quỹ Quốc tế cho Khoa học (IFS – International Foundation for Science) của Thủy Điện	2015-2016	10.815
29.	Chương trình trao đổi sinh viên với Đại học Quốc gia	Trường PKNU gửi sinh viên sang tham gia học tập ngắn hạn	Đại học Quốc gia Pukyong Hàn Quốc	2015	

	Pukyong Hàn Quốc	về lĩnh vực văn hóa và phát triển hợp tác thủy sản			
30.	Dự án hợp tác giữa Trường Đại học Nha Trang và Trường Đại học Jan Evangelista Purkyne in Usti nad Labem về việc trao đổi cán bộ, giảng viên, sinh viên giữa hai trường	Trao đổi cán bộ, giảng viên, sinh viên Viện CNSH, Khoa Xây dựng giữa hai trường	Chương trình Erasmus +	2015-2017	86.900 EUR
31.	Chương trình cao học Thủy sản Nhiệt đới)	Trao đổi cán bộ, học viên cao học	ĐH Kagoshima (Nhật) và 5 trường thành viên khác viên (Đại học Đại học Sam Ratulangi, Indonesia; Đại học Visayas, Philipin; Đại học Kasetsart, Thái Lan; Đại học Terengganu, Malaysia)	Từ 2016 đến nay	
32.	Dự án “Phát triển dự báo định hướng thị trường sáng tạo để tăng cường tính bền vững về kinh tế và sức cạnh tranh của thủy sản châu Âu trên thị trường địa phương và toàn cầu”	Tăng cường tính bền vững và cạnh tranh của thủy sản Châu Âu trên thị trường	MATIS, dự án EU	2015-2019	
33.	Dự án WiseFeed “Nâng cao tính bền vững thức ăn thủy sản”	Nâng cao tính bền vững thức ăn thủy sản	ĐH Bergen, Na Uy, EU tài trợ		

34.	Dự án “Vai trò của sự thích nghi nhiệt độ của giáp xác copepods với hiện tượng ấm lên toàn cầu trong tương tác với sự mất cân bằng của chúng với ô nhiễm môi trường và tảo độc?”	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu lên giáp xác copepods ở Việt Nam	Quỹ Khoa học Quốc tế của Thụy Điển (IFS)	2016-2018	11.600
35.	Dự án nghiên cứu với Công ty TNHH Thực phẩm NISSIN, Nhật về nuôi tôm trong hệ thống biofloc	Nuôi tôm trong hệ thống biofloc	Công ty TNHH Thực phẩm NISSIN	2016-2018	22.870
36.	Tổ chức hội thảo quốc tế ngành Công nghệ thực phẩm VBFoodNet2015	Trao đổi học thuật, công bố kết quả nghiên cứu, mở rộng hợp tác	VBFoodNet, Vlir-Bi, Đại Sứ quán Bỉ tại Việt Nam, ARES-CCD-Bi, TWAS-Ý	11/2015	30.000 EURO
37.	Hợp tác nghiên cứu với Trường Đại học Nông nghiệp Trung Quốc	Hợp tác nghiên cứu, thiết kế mạng cảm biến không dây để giám sát nhiệt độ, tiêu hao năng lượng trong chuỗi cung ứng lạnh	Bộ KH&CN Việt Nam	2014-2017	105.380
38.	Hợp tác nghiên cứu với Viện Nghiên cứu polyme Leibniz (IPF), Đức	Hợp tác nghiên cứu sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng từ phế liệu tôm để ứng dụng trong nông nghiệp	Bộ KH&CN Việt Nam	2014-2018	109.860
39.	Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang (pha 1)	Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH & MT được nâng cao. Năng lực quản lý đào tạo, và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của	NORAD	2003-2006	2.170.000 USD

		nhà trường được củng cố.			
40.	Hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hoà (pha 1)	Năng lực của tổ chức và con người trong việc thiết lập các mô hình phù hợp để phát triển nông thôn Khánh Hoà được nâng cao.	AECI – Tây Ban Nha	2005-2006	39.200 EURO
41.	Hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hoà (pha 2)	Năng lực của tổ chức và con người trong việc thiết lập các mô hình phù hợp để phát triển nông thôn Khánh Hoà được nâng cao.	AECI – Tây Ban Nha	2006-2007	11.000 Euro
42.	Chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế - Quản lý thủy sản và Nuôi trồng thủy sản	- Cung cấp cho học viên các kỹ năng quản lý kinh tế và hoạt động kinh doanh, phục vụ cho sự phát triển KT-XH - Nâng cao năng lực cho cán bộ giảng dạy của ĐHNT.	CP Na Uy thông qua Trường ĐH Tromsø Na Uy	2007-2012	Kinh phí cấp theo từng năm
43.	Nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu cho Trường Đại học Nha Trang (pha 2)	- Năng lực đào tạo và nghiên cứu của cán bộ khoa Kinh tế, khoa Nuôi trồng thủy sản, Viện CNSH & MT, Khoa Khai thác được nâng cao. - Năng lực quản lý đào tạo, và nghiên cứu của CB quản lý và hệ thống quản lý của nhà trường được củng cố.	NORAD	2009-2011	13.200.000 NOK
44.	Hợp tác với chương trình Fulbright Việt Nam (ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam)	Tập huấn nâng cao các kỹ năng cho các cán bộ và giáo viên của Trường.	ĐSQ Hoa Kỳ ở Việt Nam	2011 đến nay	
45.	Dự án Ohio – Hợp	Đào tạo nghiệp vụ tư	ĐSQ Hoa Kỳ ở	Từ 2009	

	tác với Trung tâm GLC Ohio (Mỹ)	vấn hỗ trợ doanh nghiệp hàng năm cho hơn 50 sinh viên 2 trường ĐH Ohio và ĐH Nha Trang.	Việt Nam	đến 2013	
46.	Chương trình hợp tác với AUF và các đối tác ĐH ở Pháp	Chương trình cử nhân song ngữ ngành Quản trị kinh doanh và Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	Tổ chức Đại học Pháp ngữ (AUF)	Từ tháng 6/2017 đến nay	
47.	Dự án NORHED: Incorporating Climate Change into Ecosystem Approaches to Fisheries and Aquaculture Management in Sri Lanka and Vietnam	Strengthening education and research capacity in climate change and natural resource management in the two institutions in Vietnam and Sri Lanka. Chương trình đào tạo thạc sĩ "Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu"	NORAD	September 2014-December 2019	

3.4. Kiểm định chất lượng: Nhà trường đã đạt tiêu chuẩn kiểm định Trường lần 2 tháng 3/2018.

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác

Các đối tác nước ngoài mà trường có thỏa thuận trao đổi giảng viên và sinh viên

TT	Tên đối tác	Ký lần 6	Ký lần 5	Ký lần 4	Ký lần 3	Ký lần 2	Ký lần 1
1.	ĐH Southern Cross, Úc						9/2016
2.	Hiệp hội giáo dục tiếng Nhật dành cho các quốc gia không sử dụng chữ Hán (JLAN)						6/2016
3.	L'Universite De Perpignan Via Domitia, Pháp						5/2016
4.	Khoa Thủy sản, ĐH Tromsø (hợp tác trao đổi sinh viên)						4/2016
5.	Master Program on Tropical Fisheries with International Linkage						2/2016

	(ILP) and NTU (ĐHNT là thành viên thứ 6)						
6.	ĐH Kagoshima, Nhật					2/2016	7/2015
7.	VLIR Vietnam Network (5 trường, viện)						3/2015
8.	ĐH Hoàng tử Songkla, Thái Lan						9/2014
9.	Viện Nghiên cứu và Phát triển Thực phẩm và Công nghệ sinh học Iceland – ĐH Liên hiệp quốc						12/2013
10.	Chương trình Đào tạo Thủy sản – ĐH Liên hiệp quốc						5/2013
11.	ĐH Nevada , Las Vegas, Hoa Kỳ						4/2013
12.	Trường Cao đẳng Ulsan, Hàn Quốc						9/2011
13.	Đại học Udon Thani Rajabhat, Thái Lan						8/2011
14.	Đại học New Caledonia (thuộc Pháp)					10/2016	2/2011
15.	ĐH Jan EvangelistaPurkyne (UJEP), CH Séc (Thỏa thuận trao đổi sinh viên)				2/2015	4/2011	9/2009
16.	ĐH Champasack, Lào					6/2012	4/2007
17.	Trường ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Liberec (TUL), CH Séc					11/2013	1/2007
18.	Đại học Khoa học và Kỹ thuật Hải dương Tokyo	01/2016	5/2011	2/2011	10/2010	3/2009	8/2006
19.	ĐH Hải dương quốc gia Đài Loan (NTOU)				10/2012	3/2008	12/2005
20.	Trường ĐH Quốc gia Pukyong, Hàn Quốc					5/2007	5/2005
21.	Tổ chức cộng đồng Pháp ngữ (AUF)		1/2016	12/2012	12/2011	12/2010	6/2002
22.	Đại học KH & CN Quốc gia Penghu, Đài Loan						3/2016
23.	Viện Nguồn lợi Thủy sản Quốc gia Đan Mạch						3/2017
24.	Western Michigan University, Hoa Kỳ						1/2017
25.	La Rochelle Business School, Pháp						11/2016
26.	Fisheries and Marine Institute Memorial University of Newfoundland, Canada						10/2016

27.	Trường Kinh doanh Geneva, Thụy Sĩ						9/2016
28.	ĐH Rhode Island, Hoa Kỳ						3/2016
29.	Phòng Thương mại Châu Á						2/2016
30.	ĐH Vũ Hán, TQ						1/2016
31.	Viện Công nghệ Kanagawa, Nhật						12/2015
32.	ĐH Texas A&M Corpus Christi, Hoa Kỳ						11/2015
33.	Hiệp hội Le Liseron de France						6/2015
34.	ĐH Toulon, Pháp						10/2014
35.	ĐH Bang Mississippi, Mỹ						9/2014
36.	ĐH Ulsan, Hàn Quốc						1/2014
37.	Ứng dụng công nghệ nghề lưới vây tại Khánh Hòa						2020
38.	Nghiên cứu cải tiến nghề chụp cá tại Khánh Hòa						2020
39.	Ứng dụng công nghệ nghề lưới vây tại Quảng Nam						2020

Nơi nhận:

- Website ĐHNT
- Lưu: VT, ĐTSĐH

HIỆU TRƯỞNG



Trang Sĩ Trung